

Số: 1142/QĐ-ĐHNLBG-ĐT

Bắc Giang, ngày 10 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp chứng chỉ Tiếng Anh trình độ B

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Quy định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo chương trình giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ nội dung biên bản họp ngày 09/7/2018 của Hội đồng xét kết quả kiểm tra cấp chứng chỉ Tiếng Anh trình độ B đợt ngày 01 tháng 7 năm 2018;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng xét kết quả kiểm tra cấp chứng chỉ Tiếng Anh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 57 thí sinh đạt kết quả kiểm tra, được cấp chứng chỉ Tiếng Anh trình độ B, đợt ngày 01 tháng 7 năm 2018.

(Có danh sách thí sinh và kết quả kèm theo)

Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2, Phòng TC-KT;
- Lưu VT, ĐT, TTNN-TH.



PGS.TS.Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B

(Ban hành kèm theo QĐ số 442/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của

Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)



TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Điểm TBC	Kết quả xếp loại
						Đọc	Viết	Nghe	Nói		
1	Đỗ Thị Lan	Anh	TAB01	24/9/1996	Xương Giang - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	5,5	6,0	6,5	8,0	6,5	Trung bình
2	Lê Công Tuấn	Anh	TAB02	10/7/1995	Nam Dương - Lục Ngạn - Bắc Giang	5,0	5,5	6,0	6,0	5,6	Trung bình
3	Nguyễn Thị	Át	TAB03	16/5/1985	Phi Điền - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,0	6,0	3,0	5,0	5,3	Trung bình
4	Chu Văn	Chương	TAB05	23/8/1981	Canh Nậu - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	5,5	5,0	4,0	5,4	Trung bình
5	Đoàn Thị	Cúc	TAB06	20/12/1988	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,0	5,0	7,0	6,3	Trung bình
6	Đàm Đức	Duy	TAB07	22/01/1990	Tam Tiến - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	5,0	5,0	4,0	5,3	Trung bình
7	Nguyễn Bá	Dương	TAB08	11/11/1996	Xuân Cầm - Hiệp Hòa - Bắc Giang	4,5	5,0	5,0	5,5	5,0	Trung bình
8	Trần Hải	Dương	TAB09	31/10/1996	Điệp Nông - Hưng Hà - Thái Bình	7,5	4,0	6,0	7,0	6,1	Trung bình
9	Lê Thị	Giang	TAB10	10/12/1984	Đồng Hưu - Yên Thế - Bắc Giang	6,0	4,0	5,0	5,0	5,0	Trung bình
10	Vũ Đình	Giang	TAB11	24/4/1980	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	6,5	5,0	5,5	6,0	5,8	Trung bình
11	Hoàng Văn	Hanh	TAB12	01/5/1967	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	7,5	5,0	4,0	4,0	5,1	Trung bình
12	Lộc Xuân	Hiếu	TAB14	17/10/1996	Mai Pha - TP. Lạng Sơn - Lạng Sơn	6,0	5,0	4,5	5,0	5,1	Trung bình
13	Đỗ Việt	Hoa	TAB15	05/6/1973	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	5,0	5,5	4,0	5,4	Trung bình
14	Ngô Đức	Hoa	TAB16	12/11/1980	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	5,5	5,5	5,5	5,0	5,4	Trung bình
15	Vũ Quang	Hợp	TAB17	30/4/1996	Tân Đồng - Trấn Yên - Yên Bái	5,0	3,5	5,5	6,0	5,0	Trung bình
16	Tòng Thái	Hùng	TAB18	16/11/1996	TT. Thuận Châu - Thuận Châu - Sơn La	4,0	5,0	6,0	7,0	5,5	Trung bình
17	Trần Văn	Hùng	TAB19	02/4/1974	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	6,0	5,0	5,0	4,0	5,0	Trung bình
18	Đinh Thị	Huyền	TAB20	28/4/1997	Mai Đình - Hiệp Hòa - Bắc Giang	7,0	6,5	4,5	8,0	6,5	Trung bình
19	Nguyễn Thị	Hương	TAB22	13/9/1991	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	7,5	7,0	5,5	7,0	6,8	Trung bình
20	Nguyễn Thu	Hương	TAB23	12/7/1981	Hương Vỹ - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	5,5	5,5	5,0	5,8	Trung bình
21	Phạm Ngọc	Khánh	TAB24	16/6/1990	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,0	6,0	6,0	6,3	Trung bình
22	Phạm Văn	Lâm	TAB25	06/3/1990	Thị trấn Chũ - Lục Ngạn - Bắc Giang	6,0	5,5	5,0	6,0	5,6	Trung bình
23	Bùi Thị	Liên	TAB26	11/8/1989	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	7,5	5,5	5,0	5,0	5,8	Trung bình
24	Dương Thị	Linh	TAB27	24/02/1986	Đồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	9,0	5,0	5,5	5,0	6,1	Trung bình
25	Trần Xuân	Linh	TAB28	18/01/1993	An Phong - Tân Tiến - Bắc Giang	6,6	6,0	3,0	6,0	5,4	Trung bình

9/2

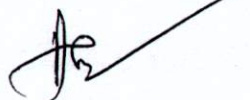
TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Điểm TBC	Kết quả xếp loại
						Đọc	Viết	Nghe	Nói		
26	Thân Thị	Loan	TAB29	05/5/1989	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,0	6,0	5,0	6,0	Trung bình
27	Ngô Thị	Luyến	TAB30	09/02/1988	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	6,0	6,0	5,0	5,0	5,5	Trung bình
28	Hoàng Thị	Lường	TAB32	20/10/1996	Yên Bình - Quang Bình - Hà Giang	4,0	6,0	5,0	5,0	5,0	Trung bình
29	Nguyễn Thị	Mai	TAB33	23/8/1989	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	4,0	6,5	6,0	5,9	Trung bình
30	Nguyễn Thành	Nam	TAB34	28/7/1994	Tiến Dũng - Yên Dũng - Bắc Giang	4,0	6,0	5,5	7,0	5,6	Trung bình
31	Phan Văn	Nét	TAB35	11/12/1986	Phi Điền - Lục Ngạn - Bắc Giang	6,5	5,5	6,5	4,0	5,6	Trung bình
32	Trần Thị	Nhung	TAB36	28/7/1990	Tân Quang - Lục Ngạn - Bắc Giang	9,0	4,0	6,0	6,0	6,3	Trung bình
33	Lê Đức	Phòng	TAB37	25/9/1967	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	5,5	5,5	5,0	5,8	Trung bình
34	Nguyễn Văn	Phúc	TAB38	26/7/1971	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	4,0	5,0	4,0	5,0	Trung bình
35	Hoàng Thị Thu	Phương	TAB39	11/9/1996	Mỹ Xá - TP. Nam Định - Nam Định	6,0	7,0	3,0	7,0	5,8	Trung bình
36	Nguyễn Văn	Quảng	TAB40	29/7/1987	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,0	5,5	4,0	5,6	Trung bình
37	Lường Thị	Quyên	TAB41	17/6/1994	Đồng Cốc - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,0	5,5	5,5	7,0	6,3	Trung bình
38	Nguyễn Thị	Quyên	TAB42	14/01/1983	Đồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	5,0	6,0	5,0	5,8	Trung bình
39	Nguyễn Văn	Son	TAB43	02/3/1979	Đồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	5,5	5,0	4,5	5,0	5,0	Trung bình
40	Phan Văn	Son	TAB44	28/02/1994	Phi Điền - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,5	6,0	6,5	3,0	5,8	Trung bình
41	Hoàng Văn	Thái	TAB46	15/9/1977	Tam Tiến - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	5,5	5,5	5,0	5,8	Trung bình
42	Nguyễn Tuấn	Thành	TAB47	19/5/1997	Vệ An - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	7,5	3,5	6,0	5,0	5,5	Trung bình
43	Nguyễn Thị	Thảo	TAB48	28/3/1996	An Thịnh - Lương Tài - Bắc Ninh	4,0	3,5	5,5	7,5	5,1	Trung bình
44	Nguyễn Văn	Thế	TAB49	23/6/1971	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	6,0	5,0	6,0	5,0	5,5	Trung bình
45	Phùng Thị	Thêm	TAB50	01/4/1991	Kiên Thành - Lục Ngạn - Bắc Giang	6,5	6,0	6,0	8,0	6,6	Trung bình
46	Lê Văn	Thịnh	TAB51	16/8/1996	Phượng Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	5,5	6,0	5,5	5,0	5,5	Trung bình
47	Lý Xuân	Thịnh	TAB52	10/10/1964	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	6,0	5,0	5,5	5,0	5,4	Trung bình
48	Ninh Thị	Thom	TAB53	11/02/1985	Tam Hiệp - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	7,0	5,0	5,0	6,0	Trung bình
49	Cao Thị	Thu	TAB54	26/02/1983	Vĩnh Lạc - Vĩnh Phú	7,0	6,0	5,0	4,0	5,5	Trung bình
50	Hoàng Văn	Thuận	TAB55	01/01/1973	Canh Nậu - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	5,5	5,5	5,0	5,8	Trung bình
51	Nguyễn Văn	Thuận	TAB56	28/12/1990	Tân Sỏi - Yên Thế - Bắc Giang	5,5	5,0	5,5	6,0	5,5	Trung bình
52	Giáp Văn	Tiếp	TAB57	07/01/1980	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	5,0	5,0	5,0	5,5	Trung bình
53	Tổng Văn	Trăm	TAB58	01/6/1996	Vạn An - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	6,5	3,5	5,0	6,0	5,3	Trung bình

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Điểm TBC	Kết quả xếp loại
						Đọc	Viết	Nghe	Nói		
54	Lương Anh	Tú	TAB59	17/02/1980	Nhã Nam - Tân Yên - Bắc Giang	6,0	5,0	5,5	5,0	5,4	Trung bình
55	Nguyễn Thị	Vân	TAB62	25/8/1995	Chi Lăng - Hưng Hà - Thái Bình	6,0	3,0	3,5	8,0	5,1	Trung bình
56	Trần Thị	Xuyên	TAB64	20/02/1987	Tân Trung - Tân Yên - Bắc Giang	7,0	6,0	5,5	6,0	6,1	Trung bình
57	Giáp Thị	Yên	TAB65	24/11/1986	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	7,5	6,0	6,0	6,0	6,4	Trung bình

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 57./.

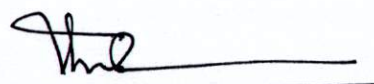
Bắc Giang, ngày 09 tháng 7 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng xét kết quả kỳ kiểm tra



TS. Đoàn Văn Soạn

Thư ký Hội đồng xét kết quả kỳ kiểm tra



ThS. Nguyễn Việt Đức

Chủ tịch Hội đồng kiểm tra



ThS. Đỗ Thị Huyền

